



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

NGUYEN THI
TOAN
T.T.T.
TP. HO CHI MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007, và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại C34/1 Đường số 2G, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán hàng hoá nông – lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hoá;
- Sản xuất mua bán bao bì (không in, tái chế phế thải tại trụ sở).

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Nhật	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thúy	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hồng Gấm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diệu Hương	Thành viên
Ông Lương Công Gia	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Nhật	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Gấm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Diệu Hương	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2013



NGUYỄN VĂN NHỰT



RSM DTL Auditing
Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 13.143/BCKT - 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 01 tháng 02 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 25 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2013



ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

DIỆC LỆ BÌNH
Chứng chỉ KTV số 1714/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		97.842.516.642	89.036.452.785
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		690.832.145	802.558.994
1. Tiền	111	5.1	690.832.145	802.558.994
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	56.217.120.692	37.899.673.626
1. Phải thu khách hàng	131		19.802.205.548	13.624.666.956
2. Trả trước cho người bán	132		8.624.656.920	9.153.388.450
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		35.042.929.661	20.145.616.946
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.252.671.437)	(5.023.998.726)
IV. Hàng tồn kho	140		30.958.924.388	31.489.334.969
1. Hàng tồn kho	141	5.3	33.992.870.987	31.916.051.753
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.033.946.599)	(426.716.784)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.975.639.417	18.844.885.196
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		70.320.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.830.626.848	2.181.155.318
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	371.273.415	313.695.878
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	5.703.419.154	16.350.034.000

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.936.306.373	83.567.877.658
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.764.038.921	20.700.183.018
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	14.258.261.805	9.313.672.274
+ Nguyên giá	222		39.141.749.867	32.502.949.867
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.883.488.062)	(23.189.277.593)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	22.505.777.116	11.245.217.116
+ Nguyên giá	228		23.788.180.116	12.349.180.116
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.282.403.000)	(1.103.963.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	141.293.628
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		24.000.000.000	62.246.939.099
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	62.246.939.099
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	24.000.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.172.267.452	620.755.541
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	620.755.541
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	6.9	4.172.267.452	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		162.778.823.015	172.604.330.443

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		86.276.012.320	83.486.708.163
I. Nợ ngắn hạn	310		86.102.950.320	82.956.982.163
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	67.756.069.073	65.016.157.418
2. Phải trả người bán	312	5.10	9.755.151.362	11.627.972.660
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	3.049.869.260	241.208.027
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	2.535.252.558	2.720.912.638
5. Phải trả người lao động	315	5.12	603.117.851	1.135.409.758
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	2.403.490.216	2.215.321.662
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		173.062.000	529.726.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	173.062.000	529.726.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76.502.810.695	89.117.622.280
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	76.502.810.695	89.117.622.280
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.230.710.000	80.230.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.608.854.848	1.608.854.848
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(5.336.754.153)	7.278.057.432
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		162.778.823.015	172.604.330.443

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		1.695,34	5.399,33
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN CÔNG THƠ



NGUYỄN VĂN NHỰT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	83.333.745.507	86.501.559.351
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	5.253.067.520	203.178.300
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	78.080.677.987	86.298.381.051
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	77.968.196.701	57.740.739.146
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		112.481.286	28.557.641.905
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	42.779.500	469.351.525
7. Chi phí tài chính	22	6.4	6.527.134.130	10.652.663.229
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.341.632.479	7.957.892.365
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	3.178.640.624	2.848.390.054
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	7.011.292.769	7.170.832.707
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16.561.806.737)	8.355.107.439
11. Thu nhập khác	31		74.779.342	-
12. Chi phí khác	32	6.7	202.042.412	519.228.060
13. Lợi nhuận khác	40		(127.263.070)	(519.228.060)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(16.689.069.807)	7.835.879.379
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	1.477.058.606
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.9	(4.172.267.452)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.516.802.355)	6.358.820.773

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN CÔNG THƠ



NGUYỄN VĂN NHỰT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		75.316.203.745	87.054.696.809
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(56.810.960.297)	(61.041.872.907)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.159.787.581)	(11.651.060.320)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.341.632.479)	(7.957.892.365)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(815.544)	(6.754.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		20.335.542.684	24.376.380.765
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.099.014.000)	(19.207.311.374)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.239.536.528	11.566.186.608
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(77.800.000)	(1.022.062.728)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(22.827.093.470)	(26.272.581.035)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.146.938.116	14.746.349.181
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.030.195	60.895.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.731.925.159)	(12.487.399.177)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		193.755.419.037	213.805.867.909
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(191.372.171.382)	(210.922.302.598)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(270.706.910)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.588.568.058)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	40		2.383.247.655	1.024.290.343
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(109.140.976)	103.077.774
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		802.558.994	696.315.551
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.585.873)	3.165.669
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		690.832.145	802.558.994

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN CÔNG THƠ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2013



NGUYỄN VĂN NHỰT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007, và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại C34/1 Đường số 2G, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán hàng hoá nông – lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hoá;
- Sản xuất mua bán bao bì (không in, tái chế phế thải tại trụ sở).

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không năm hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15 năm
+ Máy móc thiết bị	5 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm
+ Tài sản cố định vô hình	46 năm

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ năm.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.

4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 30% trong năm 2012 đối với doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến thủy sản.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.10. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(phần tiếp theo ở trang 15)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	629.513.128	655.879.664
Tiền gửi ngân hàng	61.319.017	146.679.330
Tổng cộng	690.832.145	802.558.994

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	19.802.205.548	13.624.666.956
Trả trước cho người bán	8.624.656.920	9.153.388.450
Các khoản phải thu khác	35.042.929.661	20.145.616.946
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	63.469.792.129	42.923.672.352
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.252.671.437)	(5.023.998.726)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	56.217.120.692	37.899.673.626

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu công nhân	14.153.077	8.966.512
Phải thu tiền cho CB CNV vay	265.745.379	243.801.629
Tạm cho nhà cung cấp mượn tiền	6.153.342.530	7.856.392.530
Hàng bao bì, vật tư xuất cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật – xem thêm mục 7	6.371.492.112	-
Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật mượn để xây dựng nhà máy – xem thêm mục 7	-	8.900.000.000
Phải thu hãng thủy sản gửi cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật gia công – xem thêm mục 7	7.269.448.574	3.136.456.275
Phải thu Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật tạm cho mượn vốn kinh doanh – xem thêm mục 7	14.968.747.989	-
Cộng	35.042.929.661	20.145.616.946

(phần tiếp theo ở trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.117.333.439	5.290.919.998
Công cụ, dụng cụ	83.374.529	161.490.937
Thành phẩm	28.792.163.019	26.463.640.818
Cộng giá gốc hàng tồn kho	33.992.870.987	31.916.051.753
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.033.946.599)	(426.716.784)
Giá trị thuần có thể thực hiện	30.958.924.388	31.489.334.969

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho được dùng để thế chấp cho các khoản nợ vay trong năm – xem thêm mục 5.9

Trong thành phẩm tồn kho: giá trị thành phẩm gửi cho Công ty Chi Nguyên là 13.759.349.178 đồng; giá trị thành phẩm gửi kho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật là 3.282.271.405 - xem thêm mục 7.

5.4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Là thuế nhập khẩu được hoàn lại

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng tiền cho nhân viên mua nguyên vật liệu.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	9.520.325.283	17.072.991.536	5.909.633.048	32.502.949.867
Mua trong năm	-	77.800.000	-	77.800.000
Chuyển về từ phần vốn góp vào công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	6.561.000.000	-	-	6.561.000.000
Số dư cuối năm	16.081.325.283	17.150.791.536	5.909.633.048	39.141.749.867
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	5.635.021.000	16.035.260.593	1.528.996.000	23.199.277.593
Khấu hao trong năm	638.946.659	464.863.810	590.400.000	1.694.210.469
Số dư cuối năm	6.263.967.659	16.500.124.403	2.119.396.000	24.883.488.062
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.895.304.283	1.037.730.943	4.380.637.048	9.313.672.274
Tại ngày cuối năm	9.817.357.624	650.667.133	3.790.237.048	14.258.261.805

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 3.770.997.151 đồng – Xem thêm mục 5.9 và mục 5.14

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.869.988.732 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	12.323.580.116	25.600.000	12.349.180.116
Chuyển về từ phần vốn góp vào công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	11.439.000.000	-	11.439.000.000
Số dư cuối năm	23.762.580.116	25.600.000	23.788.180.116
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.078.363.000	25.600.000	1.103.963.000
Khấu hao trong năm	178.440.000	-	178.440.000
Số dư cuối năm	1.256.803.000	25.600.000	1.282.403.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	11.245.217.116	-	11.245.217.116
Tại ngày cuối năm	22.505.777.116	-	22.505.777.116

Giá trị còn lại của tài sản dùng để thế chấp các khoản vay ngân hàng là 11.066.777.116 đồng – xem thêm mục 5.9

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 25.600.000 đồng.

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật với tỷ lệ vốn góp 48%.

5.9. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Vietinbank	18.087.977.699	23.141.899.765
Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Nhà Rông	8.192.731.974	3.015.162.296
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – CN Quận 5	11.949.317.400	11.869.044.080
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	3.170.521.471
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Eximbank	21.138.000.000	23.819.529.806
Ngân hàng Hàng Hải - Maritime Bank	8.388.042.000	-
Tổng cộng	67.756.069.073	65.016.157.418

Các khoản vay ngân hàng, chịu lãi suất từ 14%/năm đến 17%/năm đối với VND; và 6,5%/năm đến 7,5%/năm đối với khoản vay USD; thời hạn vay tối đa là 12 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng xuất khẩu thủy sản.

Các khoản vay này được bảo đảm bằng: toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển có giá trị 15 tỷ đồng tại kho số C41/1 đường số 2G, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.HCM đồng - xem thêm mục 5.3; tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.551.753.966 đồng – xem thêm mục 5.6; tài sản vô hình có giá trị còn lại là 11.066.777.116 đồng – xem thêm mục 5.7; bộ chứng từ xuất khẩu, L/C xuất khẩu và các khoản phải thu từ các hợp đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Thủy Sản Việt Nhật.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	9.755.151.362	11.627.972.660
Người mua trả tiền trước	3.049.869.260	241.208.027
Tổng cộng	12.805.020.622	11.869.180.687

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Trong đó:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật- xem thêm mục 7	391.730.884	1.387.755.130
Tổng cộng	391.730.884	1.387.755.130

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.434.792.044	2.653.807.557
Thuế thu nhập cá nhân	100.460.514	67.105.081
Tổng cộng	2.535.252.558	2.720.912.638

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương kỳ 2 tháng 12 năm 2012 còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên Công ty.

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	63.612.799	77.412.799
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.482.211.935	294.538.685
Phải trả phí gia công cá nhân cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật - xem thêm mục 7.	857.666.482	1.843.370.178
Tổng cộng	2.403.490.216	2.215.321.662

5.14. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn 36 tháng với lãi suất 14%/năm. Các khoản vay này được bảo đảm bằng xe ô tô Toyota Fortuner 7 chỗ và xe ô tô Toyota Innova 8 chỗ, có giá trị còn lại là 1.219.243.185 đồng - xem thêm mục 5.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.230.710.000	1.608.854.848	3.650.554.149	85.490.118.997
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.358.820.773	6.358.820.773
Trích lập quỹ	-	-	(1.142.749.432)	(1.142.749.432)
Chia cổ tức	-	-	(1.588.568.058)	(1.588.568.058)
Số dư đầu năm nay	80.230.710.000	1.608.854.848	7.278.057.432	89.117.622.280
Lợi nhuận trong năm	-	-	(12.516.802.355)	(12.516.802.355)
Trích lập quỹ	-	-	(98.009.230)	(98.009.230)
Số dư cuối năm nay	80.230.710.000	1.608.854.848	(5.336.754.153)	76.502.810.695

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của cổ đồng sáng lập	50.718.490.000	50.718.490.000
Vốn góp của các cổ đồng khác	29.512.220.000	29.512.220.000
Tổng cộng	80.230.710.000	80.230.710.000

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, số vốn thực tế góp bằng 92,4% vốn điều lệ đã đăng ký.

5.15.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8.680.000	8.680.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	8.023.071	8.023.071
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	8.023.071	8.023.071
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.15.4. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	7.278.057.432	3.650.554.149
Lợi nhuận sau thuế trong năm	(12.516.802.355)	6.358.820.773
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(98.009.230)	(1.142.749.432)
Chia cổ tức	-	(1.588.568.058)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	(5.336.754.153)	7.278.057.432

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	83.333.745.507	86.501.559.351
Hàng bán bị trả lại	(5.253.067.520)	(203.178.300)
Doanh thu thuần	78.080.677.987	86.298.381.051

6.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán trong năm.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	26.030.195	60.895.404
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.749.305	408.456.120
Tổng cộng	42.779.500	469.351.525

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.341.632.479	7.957.892.365
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	113.684.036	2.624.234.074
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	71.817.615	35.516.438
Khác	-	35.020.352
Tổng cộng	6.527.134.130	10.652.663.229

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	248.772.817	145.652.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.048.191.573	1.899.332.670
Chi phí bằng tiền khác	281.676.234	803.406.370
Tổng cộng	3.178.640.624	2.848.390.054

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.505.630.209	3.907.476.067
Chi phí vật liệu quản lý	94.907.300	106.847.516
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.867.114	472.727
Thuế, phí, lệ phí	85.069.183	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	866.359.396	766.264.770
Chi phí bằng tiền khác	179.786.856	378.176.147
Chi phí dự phòng	2.228.672.711	2.009.599.490
Tổng cộng	7.011.292.769	7.170.832.707

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phí lưu ký sổ cổ đông	-	19.063.636
Nộp phạt chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	174.786.070	158.074.602
Chi phí khác	27.256.342	342.089.822
Tổng cộng	202.042.412	519.228.060

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.352.433.651	39.746.496.077
Chi phí nhân công	11.086.039.077	13.975.527.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.872.650.469	2.599.930.340
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.374.449.050	5.194.037.523
Chi phí khác bằng tiền	5.316.327.125	4.322.929.050
Chi phí dự phòng	4.835.902.526	2.009.599.490
Tổng cộng	70.837.801.897	67.848.519.931

6.9. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty được trình bày như sau:

	Chuyển lỗ	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	-	-
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh năm nay	(4.172.267.452)	(4.172.267.452)
Số dư cuối năm	(4.172.267.452)	(4.172.267.452)

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	Công ty con

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	31.891.980.080	12.036.456.276
Phải trả - Xem thêm mục 5.10 và 5.13	1.249.396.366	3.231.126.308

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn vào Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	21.146.938.116	26.272.581.035
Thu vốn về từ Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	15.146.938.116	14.746.349.181
Hàng thủy sản gửi Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật gia công	37.148.695.826	4.022.934.777
Thu về hàng thủy sản gửi Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật gia công	33.015.703.527	3.554.990.817
Hàng vật tư, hóa chất xuất cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	9.400.217.001	673.960.733
Hàng vật tư, hóa chất nhập về từ Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	3.028.724.889	1.539.123.933
Thu phí gia công hàng thủy sản cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	-	128.267.206
Trả phí gia công hàng thủy sản cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	18.538.584.732	-
Hàng Thủy sản xuất gửi kho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	3.282.271.405	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	109.400.000	114.000.000
Lương Tổng Giám đốc	207.900.000	185.631.000
Tổng cộng	317.300.000	299.631.000

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

(phần tiếp theo ở trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

▪ Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	690.832.145	802.558.994
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.937.370.009	25.600.862.389
Tổng cộng	34.628.202.154	26.403.421.383
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	67.929.131.073	65.545.883.418
Phải trả người bán	9.755.151.362	11.627.972.660
Tổng cộng	77.684.282.435	76.644.130.078

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Công nợ		Tài sản	
31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
570.960,97 USD	2.010.479 USD	1.695,34 USD	657.175 USD

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
31/12/2012			
Phải trả người bán	9.755.151.362	-	9.755.151.362
Các khoản vay	67.756.069.073	173.062.000	67.929.131.073
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
01/01/2012			
Phải trả người bán	11.627.972.660	-	11.627.972.660
Các khoản vay	65.016.157.418	529.726.000	65.545.883.418

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

(phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
31/12/2012			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.937.370.009	-	33.937.370.009
01/01/2012			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.600.862.389	-	25.600.862.389

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

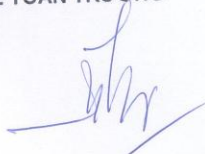
Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 01 tháng 02 năm 2013.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG


 TRẦN CÔNG THƠ



NGUYỄN VĂN NHỰT